

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HS-ST

Ngày: 08- 02- 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN- TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Sơn

Ông Nguyễn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh- Là Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ T. Sinh ngày: 05 tháng 7 năm 1987, tại Quảng Bình.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã D, huyện N, tỉnh Quảng Bình.

Chỗ ở hiện nay: Đường T, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng.

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Cha, mẹ đẻ: Không rõ

Cha, mẹ nuôi ông Nguyễn Việt Ng và bà Lê Thị C;

Tên chồng Dương Nguyên Anh T (đã ly hôn) có 01 con sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: - Ngày 17/7/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 25/11/2009 bị Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, ra trại ngày 22/4/2011.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 11/10/2017- Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Trần Thị T1. Sinh năm: 1970

Trú tại: Thị trấn TH, huyện CH, tỉnh Nghệ An- Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Văn Đ. Sinh năm: 1963

Chở ở hiện nay: Xã H, TP. A, tỉnh Quảng Nam- Có mặt.

2. Ông Nguyễn Phương B. Sinh năm: 1993

Trú tại: Thị trấn TH, huyện CH, tỉnh Nghệ An- Có mặt.

3. Ông Vũ Bá Đ1. Sinh năm: 1979

Trú tại: Xã Y, huyện Y1, tỉnh Nam Định- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2017, ông Nguyễn Văn Đ quen biết Nguyễn Thị T qua mạng xã hội. Qua trò chuyện, nghe T giới thiệu quen biết nhiều người làm cán bộ nhà nước, ông Đ tin tưởng nhờ T xin việc giúp cho cháu là Nguyễn Phương B. Sau đó, ông Đ nói bà Trần Thị T1 (là mẹ của cháu B) gửi hồ sơ xin việc để ông Đ đưa cho T.

Sau khi nhận hồ sơ, T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà T1. Ngày 29/6/2017 T hẹn gặp bà T1 và ông Đ tại quán ăn (không nhớ rõ địa chỉ) thuộc quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. T hứa sẽ xin cho cháu B vào làm việc tại Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng với chi phí 150.000.000 đồng. Tin lời T, bà T1 đồng ý hẹn khi có quyết định cho cháu B đi làm sẽ giao tiền cho T. Tuy nhiên, từ ngày 29/6/2017 đến ngày 16/9/2017, T liên tục đưa ra nhiều thông tin giả để bà T1 tin tưởng đưa tiền cho T sáu lần tổng cộng 190.000.000 đồng, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 29/6/2017, tại nhà nghỉ bà T1 thuê ở tại thành phố Đà Nẵng (không nhớ rõ địa chỉ - có sự chứng kiến của ông Đ), bà T1 đã đưa cho T 5.000.000 đồng để chi phí cho việc nộp hồ sơ.

Lần thứ hai: Ngày 12/7/2017, tại nhà nghỉ cháu B thuê ở tại thành phố Đà Nẵng (không nhớ rõ địa chỉ - có sự chứng kiến của ông Đ), do bận công việc bà T1 đưa cháu B 5.000.000 đồng giao cho T để chi phí việc đi xác minh lí lịch của cháu B.

Lần thứ ba: Ngày 11/8/2017, bà T1 chuyển 50.000.000 đồng vào tài khoản của T (số 0041000184596 - Ngân hàng Vietcombank) để chi phí xin việc.

Lần thứ tư: Ngày 08/9/2017, thông qua tài khoản (số 6605206081214 - Ngân hàng Agribank) của anh Vũ Bá Đ1 (là bạn của T), bà T1 chuyển cho T 20.000.000 đồng để chi phí làm tạm trú cho cháu B tạo thuận lợi khi xin việc. Sau đó, T mượn thẻ ATM của anh Đ1 rút toàn bộ số tiền trên.

Lần thứ năm: Ngày 13/9/2017, bà T1 và cháu B đến gặp T tại nhà trọ của T số 24 đường Nguyễn Văn Thoại, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. T nói đã có quyết định và ngày 14/9/2017, sẽ dẫn bà T1 và cháu B đến gặp ông Nguyễn Đức T - Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng nhận quyết định, ngày 18/9/2017 sẽ đi làm. Tin lời T, bà T1 đưa cho T 100.000.000 đồng.

Lần thứ sáu: Ngày 16/9/2017, tại nhà trọ của T, bà T1 đã đưa cho T 10.000.000 đồng để mua máy tính cho cháu B để đi làm nhưng T không mua.

Sau khi chiếm đoạt được 190.000.000 đồng của bà T1 và tiêu xài hết, T bỏ đi khỏi chỗ ở trọ, không gặp bà T1 mà chỉ liên lạc qua điện thoại và tin nhắn. Biết bị T lừa, lúc 09 giờ ngày 11/10/2017, bà T1 đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng tố cáo hành vi lừa đảo của T. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tang vật thu giữ của Nguyễn Thị T, gồm: 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Thị T; 02 ảnh của T; 02 Giấy nộp tiền vào tài khoản (ghi ngày 11/8/2017 và 08/9/2017).

Theo Công văn số 1247/ĐAN-DVKH ngày 29/12/2017 của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng xác định tài khoản số 0041000184596 của Nguyễn Thị T tại Ngân hàng Vietcombank, có số dư hiện tại là 195.719 đồng.

Ngoài ra, bà Trần Thị T1 còn giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng 13 tờ giấy sao chụp nội dung trao đổi trên mạng Zalo có liên quan đến vụ án.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số 06/CTr-KSĐT, ngày 19/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố như cáo

trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T mức hình phạt từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thị T1 yêu cầu Nguyễn Thị T trả lại số tiền 190.000.000 đồng bị chiếm đoạt nhưng đến nay T chưa khắc phục. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo T phải bồi thường cho bà T1.

Về vật chứng: - Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Thị T.

- Đối với 02 ảnh của T; 02 Giấy nộp tiền vào tài khoản (ghi ngày 11/8/2017 và ngày 08/9/2017) thu giữ của Nguyễn Thị T; 13 tờ giấy sao chụp nội dung trao đổi trên mạng Zalo có liên quan đến vụ án do bà Trần Thị T1 giao nộp. Đề nghị tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Ý kiến của người bị hại bà Trần Thị T1 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo trả lại số tiền 190.000.000 đồng cho bà và xử phạt bị cáo nghiêm khắc; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Định và ông Nguyễn Phương B không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Từ ngày 29/6/2017 đến ngày 16/9/2017, tại phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, bằng nhiều thủ đoạn gian dối, Nguyễn Thị T đã sáu lần lừa đảo chiếm đoạt của bà Trần Thị T1 với tổng số tiền 190.000.000 đồng.

[2] Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Thị T đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, như cáo trạng số 06/CTr-KSĐT ngày 19/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo Nguyễn Thị T là người phụ nữ đã có gia đình, lẽ ra bị cáo phải nêu gương về ý thức chấp hành pháp luật và lo lao động, tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành công dân có ích cho xã hội, nhưng bị cáo đã xem thường pháp luật, chỉ muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn mục đích cá nhân bằng đồng tiền lao động của người khác nên bị cáo phạm tội rất liều lĩnh, lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại khi có nhu cầu xin việc làm nên bị cáo đã thực hiện hành vi Lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị T1.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T đã xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ, phạm vào điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 17/7/2008, bị Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 25/11/2009, bị Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây thiệt hại về tài sản cho người bị hại mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét cần xử phạt bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra, xử cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

Song xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi vụ án xảy ra bị cáo đã ra đầu thú nên áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Đối với ông Nguyễn Văn Đ và ông Vũ Bá Đ1 không tham gia cùng Nguyễn Thị T lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Trần Thị T1, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng không xử lý là có căn cứ.

[3] **Xét về trách nhiệm dân sự:** Đối với số tiền 190.000.000 đồng bị cáo T chiếm đã đoạt của bà Trần Thị T1, bị cáo chưa bồi thường; nay bà T1 yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền trên, xét thấy thỏa đáng nên cần buộc bị cáo T phải bồi thường cho bà Trần Thị T1.

[4] **Xét về vật chứng:**

Đối với 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Thị T. Đây là tang vật liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo không còn giá trị sử dụng, xét cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 ảnh của Nguyễn Thị T; 02 Giấy nộp tiền vào tài khoản (ghi ngày 11/8/2017 và ngày 08/9/2017) thu giữ của Nguyễn Thị T; 13 tờ giấy sao chụp nội dung trao đổi trên mạng Zalo có liên quan đến vụ án do bà Trần Thị T1 giao nộp, đây là các chứng cứ quan trọng của vụ án hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án nên không đề cập đến.

[5] Hội đồng xét xử xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình.

[6] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 11/10/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015. Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường cho người bị hại là bà Trần Thị T1 số tiền 190.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyễn Thị T.

Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành sơn, TP. Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/01/2018.

Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 9.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, người bị hại biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 08/02/2018.

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận NHS;
- Công an quận NHS;
- Công an trại tạm giam Tp Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận NHS;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm